

Số: 53/2019/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 11 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị BLúp Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Thôn A K, xã A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: A Viết Tr, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị BLúp Thị T và anh A Viết Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu A Viết H, sinh ngày 10-3-2009 và A Viết S, sinh ngày 05-05-2012 cho anh A Viết Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên; chị BLúp Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi cháu A Viết S là

300.000đ/tháng (Ba trăm nghìn đồng/tháng), kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị BLúp Thị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/004286 ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A;
- UBND xã A;
- (ĐKKH số 15 ngày 14-11-2008)
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Văn Vĩnh